

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày 23/02/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đồi

2. Ông Nguyễn Văn Đích

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 224/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HPT ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty D1); địa chỉ: số F đường V, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Đại M – Chức danh: Giám đốc.

Công ty Cổ phần Đ ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1); địa chỉ: số B B đường N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H: ông Phạm Quốc T; Chức vụ: Tổng Giám đốc (Hợp đồng ủy quyền số 118.03/2023/H1 ngày 31.3.2023).

Người được Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H ủy quyền ký đơn khởi kiện và tham gia tố tụng: bà Huỳnh Nguyễn Bảo H; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ kiêm trưởng phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H, theo Quyết định ủy quyền số 2992/2021/QĐ-TGD ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc H1.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H uỷ quyền lại cho:

1. Ông Đặng Ngọc D - Chức vụ: Phó phòng Quản lý nợ H1. Địa chỉ: số B B đường N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đinh Hoàng N - Chức vụ: Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân H1. Địa chỉ: tổ C phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (văn bản uỷ quyền số 09/2023/UQ-HDB ngày 22/5/2023), ông N có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Phạm Thảo U, sinh năm: 2000; Địa chỉ: tổ C Q, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ C Q, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần D và ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền là ông Đinh Hoàng N trình bày:

Ngày 26.01.2022, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1) và bà Phạm Thảo U đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2695/22MN/HĐTD/KUNN ngày 26/01/2022 về việc bà Phạm Thảo U vay vốn tại H1, với số tiền vay: 2.900.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động mua bán vật liệu xây dựng, đồ dùng điện nước các loại; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 27/01/2022 đến 26/01/2023; Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm. Lãi suất này được cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay, sau đó điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của H1.

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên bao gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 584218, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CTs55564 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/01/2015, cập nhật thay đổi ngày 16.7.2020 sang tên bà Nguyễn Thị Bích T1.

Tài sản bảo đảm đã được công chứng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 tại Văn phòng C, TP , và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 26/01/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Phạm Thảo U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 được ký kết giữa H1 và bà Phạm Thảo U.

Ngày 31/3/2023 H1 đã bán khoản nợ trên cho Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty D1), theo Hợp đồng mua bán nợ số 118.03/2023/HĐMBN/HDB-D&D ngày 31.3.2023.

Công ty D1 đã nhiều lần đơn đốc, yêu cầu bà Phạm Thảo U thanh toán nợ nhưng bà Phạm Thảo U vẫn không thanh toán nợ vay cho Công ty D1 theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 23.02.2024, bà Phạm Thảo U còn nợ Công ty D1 số tiền 3.634.527.954 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.899.999.952 đồng, lãi trong hạn 96.681.261 đồng, lãi quá hạn 637.846.741 đồng.

Vì vậy, Công ty D1 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc bà Phạm Thảo U phải thanh toán cho Công ty D1 với tổng số tiền là 3.634.527.954 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.899.999.952 đồng, lãi trong hạn 96.681.261 đồng, lãi quá hạn 637.846.741 đồng (tính đến ngày 23.02.2024).

- Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24.02.2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2695/22MN/HĐTD/KUNN ngày 26/01/2022 được ký kết giữa H1 và bà Phạm Thảo U cho đến khi bà Phạm Thảo U hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty D1.

Trường hợp bà Phạm Thảo U không trả nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 584218, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CTs55564 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/01/2015, cập nhật thay đổi ngày 16.7.2020 sang tên bà Nguyễn Thị Bích T1; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 tại Văn phòng C, TP. và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S ngày 26/01/2022 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Công ty D1.

* Bị đơn là bà Phạm Thảo U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của bà Phạm Thảo U và bà Nguyễn Thị Bích T1 trong hồ sơ vụ án; không ai có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án án như sau:

Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với HĐXX: tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX: căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 299, 303 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Công ty Cổ phần Đ đối với bị đơn là bà Phạm Thảo U.

- Buộc bà Phạm Thảo U phải thanh toán cho Công ty D1 với tổng số tiền là 3.634.527.954 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.899.999.952 đồng, lãi trong hạn 96.681.261 đồng, lãi quá hạn 637.846.741 đồng (tính đến ngày 23.02.2024).

- Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24.02.2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2695/22MN/HĐTD/KUNN ngày 26/01/2022 được ký kết giữa H1 và bà Phạm Thảo U cho đến khi bà Phạm Thảo U hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty D1.

Trường hợp bà Phạm Thảo U không trả nợ, đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 584218, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CTs55564 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/01/2015, cập nhật thay đổi ngày 16.7.2020 sang tên bà Nguyễn Thị Bích T1; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 tại Văn phòng C, TP. và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S ngày 26/01/2022 theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Công ty D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty Cổ phần Đ và bà Phạm Thảo U thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Phạm Thảo U (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) và bà Nguyễn Thị Bích T1 (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không có yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thảo U và bà Nguyễn Thị Bích T1.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H (H1) và bà Phạm Thảo U; cũng như Hợp đồng mua bán nợ số 118.03/2023/HĐMBN/HDB-D&D ngày 31.3.2023 giữa H1 và Công ty Cổ phần Đ được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật, các bên tham gia trong các giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 bà Phạm Thảo U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đúng hạn như thỏa thuận trong hợp đồng, đến ngày 31/3/2023 H1 đã bán khoản nợ trên cho Công ty Cổ phần Đ, theo Hợp đồng mua bán nợ số 118.03/2023/HĐMBN/HDB-D&D ngày 31.3.2023. Như vậy, toàn bộ khoản nợ và biện pháp bảo đảm đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MN/HĐTD ngày 26/01/2022 được Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H chuyển giao cho Công ty Cổ phần Đ.

Công ty D1 đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Phạm Thảo U thanh toán nợ nhưng bà Phạm Thảo U vẫn không thanh toán nợ vay cho Công ty D1.

Tính đến ngày 23.02.2024, bà Phạm Thảo U còn nợ Công ty D1 số tiền 3.634.527.954 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.899.999.952 đồng, lãi trong hạn 96.681.261 đồng, lãi quá hạn 637.846.741 đồng (Mức lãi suất trong hạn Ngân hàng áp dụng là 13,34%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (20,1%/năm)).

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Phạm Thảo U không trả gốc, lãi đúng hạn như cam kết trong hợp đồng tín dụng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Công ty D&D yêu cầu buộc bà Phạm Thảo U phải trả cho Công ty D&D toàn bộ số tiền gốc, lãi còn nợ

nói trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

[3] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24/02/2024 trên số dư nợ gốc, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tín dụng số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2695/22MN/HĐTD/KUNN ngày 26/01/2022 được ký kết giữa H1 và bà Phạm Thảo U cho đến khi bà Phạm Thảo U hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Công ty D1 là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016.

[4] Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 584218, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CTs55564 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/01/2015, cập nhật thay đổi sang tên bà Nguyễn Thị Bích T1 ngày 16.7.2020; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H với bà Nguyễn Thị Bích T1 nhằm bảo đảm cho khoản nợ vay của bà Phạm Thảo U là hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng tại Văn phòng C, TP ., được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S ngày 26/01/2022 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319, 323 của Bộ luật dân sự. Do bà Phạm Thảo U vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên căn cứ các Điều 299, 303 của Bộ luật dân sự, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Bích T1 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay cho Công ty Cổ phần Đ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ được chấp nhận nên bị đơn là bà Phạm Thảo U phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: số tiền bà Phạm Thảo U phải chịu là: 104.690.559 đồng. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí
47.671.800 đồng theo biên lai thu số 0002080 ngày 16.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

[6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3000.000 đồng bà **Phạm Thảo U** phải chịu nhưng **Công ty Cổ phần Đ** đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Do đó, bà **Phạm Thảo U** phải có nghĩa vụ trả lại cho **Công ty Cổ phần Đ** 3000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 317, 318, 319, 323, 299, 303 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của **Công ty Cổ phần Đ** đối với bị đơn là bà **Phạm Thảo U**.

Xử:

1. Buộc bà **Phạm Thảo U** phải thanh toán cho **Công ty D1** với tổng số tiền là 3.634.527.954 đồng. Trong đó, nợ gốc: 2.899.999.952 đồng, lãi trong hạn 96.681.261 đồng, lãi quá hạn 637.846.741 đồng (tính đến ngày 23.02.2024).

- Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 24.02.2024 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 và Khế ước nhận nợ số 2695/22MN/HĐTD/KUNN ngày 26/01/2022 được ký kết giữa **H1** và bà **Phạm Thảo U** cho đến khi bà **Phạm Thảo U** hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho **Công ty D1**.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: **tổ B phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng**, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 584218, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CTs55564 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 05/01/2015, cập nhật thay đổi sang tên bà **Nguyễn Thị Bích T1** ngày 16.7.2020; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2695/22MB/HĐTD ngày 26/01/2022 đã được công chứng tại **Văn phòng C, TP.** và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai **quận S** ngày 26/01/2022 sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay cho **Công ty Cổ phần Đ**.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3000.000 đồng bà **Phạm Thảo U** phải chịu nhưng **Công ty Cổ phần Đ** đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong. Do đó, bà **Phạm Thảo U** phải có nghĩa vụ trả lại cho **Công ty Cổ phần Đ** 3000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 104.690.559 đồng bà **Phạm Thảo U** phải chịu.

Hoàn trả cho **Công ty Cổ phần Đ** số tiền tạm ứng án phí 47.671.800 đồng theo biên lai thu số 0002080 ngày 16.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân **quận . Sơn Trà**;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phước Hòa

